
CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH MINH BẠCH THÔNG TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT

Nguyễn Thị Ái Liên

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: lienna@neu.edu.vn

Đào Thị Mai Anh

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: dmaianh22@gmail.com

Trần Hà Anh

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: haanh62neu@gmail.com

Nguyễn Thu Hà

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hanhim410@gmail.com

Mã bài: JED-1189

Ngày nhận: 11/04/2023

Ngày nhận bản sửa: 24/05/2023

Ngày duyệt đăng: 05/07/2023

DOI 10.33301/JED.VI.1189

Tóm tắt:

Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến minh bạch thông tin báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đã tính toán chỉ số minh bạch thông tin báo cáo tài chính với 53 tiêu chí dựa trên thông tin báo cáo tài chính của 450 doanh nghiệp. Bằng phương pháp hồi quy bình phương tối thiểu, kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố như quy mô công ty, đòn bẩy tài chính, lợi nhuận, hiệu suất sử dụng tài sản, tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài, công ty kiểm toán, chuẩn mực kế toán quốc tế, địa điểm niêm yết có ảnh hưởng đến mức độ minh bạch thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao tính minh bạch thông tin, góp phần khơi thông tiềm năng đầu tư và phát triển bền vững thị trường chứng khoán Việt Nam.

Từ khóa: Minh bạch thông tin, báo cáo tài chính, HOSE, HNX.

Mã JEL: O16, M41

Factors influencing the transparency of financial statement information of listed firms

Abstract:

This research aims to determine the determinants affecting the transparency of financial statements of firms listed on the Hanoi Stock Exchange and the Ho Chi Minh City Stock Exchange. The study calculated the financial statements' information transparency index with 53 criteria based on the financial statements of 450 firms. By using the least squares regression method, the study's results show factors like firm size, financial leverage, profit, asset utilization efficiency, ownership rate of foreign shareholders, audit firm, international accounting standards, listing location have influence on the level of transparency of financial statements. From there, the study proposes some recommendations to improve information transparency, contributing to sustainable development of Vietnam's stock market.

Keywords: Information transparency, financial statements, HOSE, HNX.

JEL Codes: O16, M41

1. Giới thiệu

Minh bạch bao gồm cả cơ hội, tính bình đẳng trong tiếp cận thông tin, tính tin cậy, nhất quán của thông tin, tính dự đoán trước được và sự cởi mở của cơ quan cung cấp thông tin (Đậu Anh Tuấn, 2006). Tính minh bạch trong báo cáo tài chính rất quan trọng để đảm bảo uy tín và mức độ tin cậy của các bên liên quan đến doanh nghiệp, bao gồm cổ đông, nhà đầu tư, đối tác kinh doanh, ngân hàng và cơ quan nhà nước. Theo Bushman & cộng sự (2004), minh bạch thông tin trong lĩnh vực tài chính là sự sẵn có của thông tin cụ thể về công ty cho các nhà đầu tư và cổ đông bên ngoài. OECD (2004) liên quan đến vấn đề công bố thông tin và tính minh bạch cho rằng: “Khuôn khổ quản trị công ty phải đảm bảo việc công bố thông tin kịp thời và chính xác về mọi vấn đề quan trọng liên quan đến công ty, bao gồm tình hình tài chính, tình hình hoạt động, sở hữu và quản trị công ty”. Theo Trần Minh Dạ Hạnh (2014), tính minh bạch thông tin báo cáo tài chính được thể hiện thông qua việc cung cấp đầy đủ và trình bày trung thực về những thông tin hữu ích cho người sử dụng để ra quyết định, cùng với mức độ công bố thông tin ra bên ngoài và mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin. Theo Lê Thị Mỹ Hạnh (2015), minh bạch thông tin là việc cung cấp các thông tin tài chính một cách tin cậy, kịp thời, chính xác, đầy đủ và nhất quán theo cách thức mà công chúng có thể tiếp cận một cách thuận tiện. Theo World Bank (2015), minh bạch thông tin trong lĩnh vực tài chính được hiểu là “sự đầy đủ, tin cậy và kịp thời trong việc công bố thông tin và sự tiếp cận dễ dàng từ phía công chúng đối với sự đầy đủ, tin cậy và kịp thời đó”. Thông tin trên báo cáo tài chính được coi là hữu ích cho người dùng khi đạt được các tính chất phù hợp, đáng tin cậy, có thể so sánh, dễ hiểu, kịp thời trong mối quan hệ lợi ích chi phí, đạt được sự cân bằng các đặc tính chất lượng.

Minh bạch thông tin không chỉ đòi hỏi chất lượng thông tin công bố, nội dung các thông tin cũng như mối quan hệ với công chúng và cách thức công bố thông tin mà còn đòi hỏi các điều kiện cần thiết về khung pháp lý, về quản lý vĩ mô của nhà nước, về chức năng hoạt động của các công ty kiểm toán, xếp hạng tín nhiệm, về việc công bố thông tin của các doanh nghiệp phát hành. Minh bạch thông tin trên thị trường chứng khoán đặt ra yêu cầu cho cả hệ thống các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp khi công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, vấn đề minh bạch thông tin tài chính của các công ty niêm yết ở Việt Nam từ trước đến nay chủ yếu nặng về trách nhiệm giải trình và quyết toán hơn là cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính. Mặc dù nhà nước và các đơn vị đang dần có những bước tiến trong vấn đề này thì việc công khai thông tin tài chính theo quy trình, thủ tục về cung cấp thông tin tài chính theo yêu cầu tại các công ty niêm yết vẫn còn nhiều bất cập, chưa làm thỏa mãn người sử dụng báo cáo tài chính trong vấn đề yêu cầu minh bạch thông tin.

Nghiên cứu này kế thừa từ các nghiên cứu trước về xác định yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và đề xuất thêm các yếu tố mới như thuế thu nhập doanh nghiệp và việc sử dụng chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS). Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng thêm biến địa điểm niêm yết để nghiên cứu thêm về sự khác nhau giữa mức độ minh bạch thông tin báo cáo tài chính giữa 2 sàn HOSE và HNX.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Minh bạch thông tin báo cáo tài chính

Almazan & cộng sự (2003) nghiên cứu mối quan hệ giữa tính minh bạch của thông tin với quyết định cơ cấu vốn trong doanh nghiệp. Nghiên cứu chỉ ra rằng mức độ minh bạch hóa thông tin càng cao thì các doanh nghiệp có xu hướng lựa chọn cơ cấu vốn an toàn hơn.

Nghiên cứu Mensah & cộng sự (2006) đưa ra một mô hình về các mức độ minh bạch thông tin. Nghiên cứu này xác định rõ ràng rằng minh bạch là tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá các báo cáo tài chính theo quan điểm của người sử dụng bên ngoài.

Zarb (2006) đã nghiên cứu và xây dựng giả thuyết có sự khác biệt trong cách nhìn nhận và đánh giá của nhà đầu tư so với người lập báo cáo về tính minh bạch báo cáo tài chính.

Luận án của Nguyễn Phúc Sinh (2008) nghiên cứu vai trò và tính hữu ích của báo cáo tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam. Tác giả sử dụng cả lý thuyết và thực tiễn kế toán quốc tế và trong nước để phân tích và đánh giá cung cấp thông tin hữu ích của báo cáo tài chính ở Việt Nam, đưa ra các giải pháp để nâng cao tính hữu ích của báo cáo tài chính và chuẩn hóa nó.

Nguyễn Thị Minh Tâm (2009) bàn về tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, ngân hàng và vai trò của kế toán - kiểm toán. Tác giả nhận xét sự minh bạch là cơ sở quan trọng để phát triển bền vững, làm gia tăng giá trị của các doanh nghiệp nói chung, vì vậy các doanh nghiệp, ngân hàng cần phải đề cao tính minh bạch, trong đó hệ thống kế toán – kiểm toán là công cụ không thể thiếu để thực hiện việc minh bạch trong quản lý công ty. Các nguyên nhân dẫn đến thông tin tài chính ở nước ta chưa thực sự minh bạch do tính minh bạch báo cáo tài chính chưa được coi trọng đúng mức, chưa thực hiện đầy đủ các quy định chung của chuẩn mực kế toán quốc tế về lập và trình bày báo cáo tài chính, công khai và minh bạch thông tin tài chính được công bố chưa được xử lý đúng luật.

Nghiên cứu tiền sử của Nguyễn Thúy Anh (2012) cũng đề cập đến vấn đề minh bạch thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghiên cứu cũng sử dụng tiêu chí của Standard và Poors (S&P) để xếp hạng mức độ minh bạch thông tin của 89 công ty niêm yết trên sàn HSX. Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp định tính để giải thích và minh bạch cho các kết luận, và chỉ sử dụng một số trường hợp điển hình để phân tích sự yếu kém trong mức độ minh bạch thông tin.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến minh bạch thông tin báo cáo tài chính

Nghiên cứu của Jiang & Kim (2004) cho thấy rằng sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có mối quan hệ ngược chiều với sự bất cân xứng thông tin, các nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng nắm giữ cổ phiếu trong các công ty quy mô lớn và có chuẩn mực kế toán tốt hơn, họ cũng có khả năng tốt hơn trong việc thu thập và xử lý các thông tin từ đó giúp cải thiện chất lượng thông tin trên thị trường chứng khoán.

Andrew Ellul & cộng sự (2015) đã phân tích sự đánh đổi giữa minh bạch thông tin và gánh nặng về thuế. Nghiên cứu chỉ ra rằng các công ty minh bạch hơn được tiếp cận tốt hơn với tài chính, và cũng cho phép các cơ quan thuế kiểm tra chặt chẽ hơn và do đó phải đối mặt với gánh nặng thuế nặng hơn.

Robert M. Bushman & Abbie (2001) cũng phân tích về minh bạch thông tin của các công ty niêm yết dựa trên 2 nhóm nhân tố minh bạch thông tin tài chính và minh bạch thông tin quản trị. Nghiên cứu xem xét tính minh bạch thông tin báo cáo tài chính thông qua 5 yếu tố: (1) Mức độ công bố thông tin tài chính, (2) Mức độ công bố thông tin quản trị, (3) Các nguyên tắc kế toán, (4) Thời gian công bố báo cáo tài chính, (5) Chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính được công bố. Kết quả cho thấy minh bạch trong quản trị liên quan mật thiết với cơ chế pháp lý, trong khi đó minh bạch thông tin tài chính liên quan chủ yếu đến chính sách kinh tế. Ngoài ra, công ty quy mô lớn thì mức độ minh bạch thông tin cao hơn công ty có quy mô nhỏ.

Archambault & Archambault (2003) lại cho rằng các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tài chính là: quyền sở hữu, tình trạng niêm yết, chính sách cổ tức, kiểm toán và đòn bẩy tài chính. Ngoài ra, quá trình hoạt động gồm: quy mô công ty, lĩnh vực kinh doanh và doanh thu xuất khẩu cũng ảnh hưởng đến mức độ công bố và minh bạch thông tin của công ty niêm yết.

Cheung & cộng sự (2005) xem xét các mức độ công bố thông tin và tính minh bạch của các công ty niêm yết ở 2 thị trường Thái Lan và Hồng Kông. Kết quả mức độ công bố và tính minh bạch thông tin của các công ty niêm yết ở Thái Lan cao hơn nhiều so với Hồng Kông. Nhóm nhân tố tài chính như quy mô công ty, hiệu quả sử dụng tài sản, giá trị tài sản đảm bảo và khả năng sinh lợi dài hạn ảnh hưởng đến minh bạch thông tin của các công ty niêm yết ở Hồng Kông, nhưng không ảnh hưởng đến các công ty niêm yết ở Thái Lan; nhân tố quản trị như quy mô và cơ cấu hội đồng quản trị có ảnh hưởng tới các công ty niêm yết Thái Lan nhưng lại không ảnh hưởng tới các công ty ở Hồng Kông. Riêng “tỷ lệ các giám đốc điều hành không là thành viên của hội đồng quản trị” càng lớn thì tính minh bạch thông tin càng cao ở cả 2 thị trường.

Đối với các công trình Việt Nam, Nguyễn Nhất Nam (2015) với đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin báo cáo tài chính của các công ty niêm yết HOSE” đã tiến hành khảo sát, lấy kết quả trực tiếp từ báo cáo tài chính 268 công ty niêm yết phi tài chính trên thị trường chứng khoán HOSE. Kết quả, tác giả kết luận tăng độ minh bạch báo cáo tài chính của các công ty niêm yết được ảnh hưởng bởi: (1) Quy mô; (2) Đòn bẩy tài chính; (3) Lợi nhuận; (4) Hiệu quả sử dụng tài sản; (5) Khả năng thanh toán; (6) Thời gian niêm yết; (7) Công ty kiểm toán.

Nghiên cứu của Lê Thị Mỹ Hạnh (2015) cho thấy các nhân tố phản ánh đặc điểm tài chính và quản trị công ty như: đòn bẩy tài chính, lợi nhuận, công ty kiểm toán và cơ cấu hội đồng quản trị ảnh hưởng đến mức độ minh bạch thông tin của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nghiên cứu chỉ sử dụng mẫu nghiên cứu lấy từ 178 doanh nghiệp niêm yết trên HSX làm đại diện cho thị trường chứng

khoán Việt Nam.

Nghiên cứu của Trần Trọng Nguyên & cộng sự (2019) đã xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ minh bạch thông tin tài chính của các công ty niêm yết gồm: quy mô, đòn bẩy tài chính, lợi nhuận, hiệu quả sử dụng tài sản, công ty kiểm toán và mức độ tập trung vốn chủ sở hữu của công ty niêm yết. Nghiên cứu dựa vào nghiên cứu định tính và xây dựng mô hình nghiên cứu định lượng chứ không thực hiện kiểm tra thực nghiệm.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Tính đến cuối năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam có khoảng 1.900 công ty đại chúng, trong đó HOSE có 404 công ty niêm yết, HNX có 343 công ty niêm yết, Sàn chứng khoán Upcom có 895 công ty đăng ký giao dịch. Dữ liệu nghiên cứu là dữ liệu thứ cấp theo tần suất năm, được thu thập từ báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị của 450 công ty niêm yết phi tài chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam gồm 250 công ty niêm yết trên sàn HOSE và 200 công ty niêm yết trên HNX (không bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm). 450 công ty niêm yết được lựa chọn thuộc 15 nhóm ngành bao gồm: Dầu khí; hóa chất; xây dựng và vật liệu; hàng dịch vụ và công nghiệp; bán lẻ; thực phẩm và đồ uống; bất động sản, tài nguyên cơ bản; du lịch và giải trí; tiện ích; công nghệ thông tin, ô tô và phụ tùng; hàng cá nhân và tiêu dùng, viễn thông; y tế. Để thể hiện tính thống nhất của số liệu thu thập, nghiên cứu chỉ sử dụng số liệu trên báo cáo tài chính của các công ty niêm yết có niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01/2021 và kết thúc vào 31/12/2021.

Nhóm tác giả sử dụng bộ tiêu chí được kế thừa từ nghiên cứu của Hồ Thủy Tiên & Hoàng Mạnh Khánh (2020) về “Minh bạch thông tin và các yếu tố ảnh hưởng” được xây dựng dựa trên bộ tiêu chí của Standard & Poor (S&P), kết hợp với Thông tư số 155/2015/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chỉ số minh bạch thông tin được xây dựng trên thang điểm 100 dựa trên 3 nhóm tiêu chí sau đây:

- Minh bạch cấu trúc sở hữu và quyền của NĐT: gồm 14 tiêu chí.
- Minh bạch tài chính và công bố thông tin: gồm 24 tiêu chí.
- Minh bạch cấu trúc, thành phần, quy trình làm việc của hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát: gồm 15 tiêu chí.

Chỉ số minh bạch thông tin báo cáo tài chính của từng công ty niêm yết được tính như sau:

$$TRANS_i = \frac{\sum_{j=1}^n dij}{n}$$

Trong đó:

TRANS_i: Chỉ số minh bạch thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết i (điểm).

d_j: Điểm của tiêu chí đánh giá mức độ minh bạch thông tin j.

n: Tổng số tiêu chí đánh giá.

Dựa trên dữ liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị năm 2021 của 450 công ty niêm yết chọn mẫu ngẫu nhiên trên 2 sàn HOSE và HNX, nghiên cứu phân tích mô hình hồi quy bằng phương pháp hồi quy bình phương tối thiểu thông thường (Ordinary Least Squares), kiểm định các khiếm khuyết của mô hình, ước lượng và giải thích ý nghĩa của mô hình.

3.2. Mô hình và các giả thuyết nghiên cứu

Từ cơ sở nghiên cứu các mô hình liên quan đến tính minh bạch thông tin báo cáo tài chính, sau khi xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin liên quan, kết hợp đặc điểm của các công ty niêm yết trên sàn HOSE và HNX cho phù hợp với môi trường kinh tế, xã hội, văn hóa của Việt Nam, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu. Biến phụ thuộc được xác định là tính minh bạch thông tin báo cáo tài chính của các công ty niêm yết và các biến độc lập là các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin báo cáo tài chính của các công ty niêm yết bao gồm các biến: (1) Quy mô công ty, (2) Đòn bẩy /tài chính, (3) Lợi nhuận, (4) Hiệu suất sử dụng tài sản, (5) Khả năng thanh toán hiện hành, (6) Thuế, (7) Số năm niêm yết trên

thị trường chứng khoán, (8) Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài, (9) Công ty kiểm toán, (10) Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS, (11) Địa điểm niêm yết.

Từ nghiên cứu tổng quan, nhóm tác giả đề xuất các giả thuyết nghiên cứu:

Giả thuyết H1: Công ty có quy mô lớn thì minh bạch thông tin báo cáo tài chính hơn công ty có quy mô nhỏ.

Các nghiên cứu của Meek & cộng sự (1995), Ahmed & Courtis (1999), Zarzeski (1996), Archambault & Archambault (2003), Khanna & cộng sự (2004), Cheung & cộng sự (2005) đều chỉ ra rằng các công ty với quy mô lớn sẽ có độ minh bạch cao hơn và công bố thông tin tài chính rõ ràng hơn so với các công ty nhỏ. Một trong những lý do được đưa ra là nhu cầu công khai thông tin.

Giả thuyết H2: Công ty có đòn bẩy tài chính càng lớn thì mức độ minh bạch thông tin báo cáo tài chính càng cao.

Ahmed & Courtis (1999) cho rằng khi các doanh nghiệp có đòn bẩy tài chính cao, thì họ thường phải đối mặt với sự giám sát nghiêm ngặt từ các bên liên quan, như các chủ nợ. Điều này yêu cầu các doanh nghiệp phải cung cấp nhiều thông tin hơn để đảm bảo lợi ích của các bên liên quan.

Giả thuyết H3: Công ty có lợi nhuận cao thì minh bạch thông tin báo cáo tài chính hơn công ty có lợi nhuận thấp.

Công ty có lợi nhuận cao sẽ có xu hướng công bố nhiều thông tin hơn để nhà quản lý có thể tận dụng được các lợi ích từ cổ đông hoặc nhận được sự đánh giá tích cực từ cổ đông, hoặc để duy trì vị thế của mình trên thị trường (Cheung & cộng sự, 2005). Lang & Iundholm (1993), Khanna & cộng sự (2004) cũng chỉ ra mối quan hệ thuận chiều giữa tình hình tài chính của công ty và mức độ công bố thông tin.

Giả thuyết H4: Công ty có hiệu suất sử dụng tài sản càng cao thì độ minh bạch thông tin báo cáo tài chính càng cao.

Các công ty có hiệu suất sử dụng tài sản cao sẽ thường công bố thông tin rõ ràng và đầy đủ hơn nhằm duy trì lợi thế cho nhà quản lý (người đại diện) và thu hút sự chú ý của nhà đầu tư về tính hiệu quả trong công tác quản trị nói chung và việc sử dụng tài sản nói riêng của người đại diện (Cheung & cộng sự, 2005).

Giả thuyết H5: Công ty có khả năng thanh toán hiện hành cao thì mức độ minh bạch thông tin báo cáo tài chính cao.

Theo Singhvi (1968), khi khả năng thanh toán của công ty càng cao thì công ty càng có xu hướng tích cực công bố thông tin để chứng minh cho tình trạng hoạt động tốt của mình. Wallace & Nacer (1994) lại cho rằng khi khả năng thanh toán thấp, công ty có khuynh hướng công bố càng nhiều thông tin để giải thích và biện minh cho tình trạng công ty đối với các đối tượng bên ngoài.

Giả thuyết H6: Công ty chịu thuế thu nhập cao thì mức độ minh bạch thông tin báo cáo tài chính cao.

Theo Andrew Ellul & cộng sự (2015), sự minh bạch thông tin và gánh nặng thuế có mối liên hệ đánh đổi. Các công ty minh bạch hơn có khả năng tiếp cận với tài chính tốt hơn và cơ quan thuế có thể kiểm tra chặt chẽ hơn, do đó, họ có thể phải đối mặt với gánh nặng thuế nặng hơn khi phải báo cáo dữ liệu tương tự cho cả cơ quan thuế và nhà đầu tư (tuân thủ chính sách thuế).

Giả thuyết H7: Doanh nghiệp có thời gian niêm yết càng lâu thì thông tin trên báo cáo tài chính có xu hướng minh bạch hơn.

Theo Galani & cộng sự (2011), các công ty đã hoạt động trong thời gian dài có thể tăng cường các điều kiện thực tế liên quan đến quá trình báo cáo, công nghệ, chi phí công bố thông tin. Theo thời gian, các công ty này đã phát triển nhiều kỹ năng báo cáo để tăng cường uy tín của mình trên thị trường.

Giả thuyết H8: Công ty có tỷ lệ sở hữu nước ngoài cao thì mức độ minh bạch thông tin báo cáo tài chính cao.

Các nghiên cứu thực nghiệm của Cheung & cộng sự (2005), Võ Xuân Vinh & Trần Thị Phương Mai (2015) đều cho thấy việc tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể dẫn đến quản trị công ty hiệu quả hơn, tăng khả năng sinh lợi của công ty và tăng tính minh bạch thông tin, giảm thiểu nguy cơ nhà quản lý gây thiệt hại cho các cổ đông.

Giả thuyết H9: Công ty được kiểm toán bởi một trong các công ty kiểm toán lớn (Big four) có thể minh

bạch thông tin báo cáo tài chính hơn các công ty khác (Non Big four).

Theo Fargher & cộng sự (2001) cùng với Archambault & Archambault (2003), nội dung báo cáo hàng năm có thể bị ảnh hưởng bởi kích thước của công ty kiểm toán, bao gồm cả các công ty kiểm toán lớn và nhỏ. Các công ty kiểm toán được chia thành hai loại: Big Four và những công ty kiểm toán khác. Các công ty được kiểm toán bởi một trong những công ty kiểm toán lớn được cho là có khả năng công bố thông tin chất lượng hơn so với các công ty khác.

Giả thuyết H10: Công ty niêm yết áp dụng chuẩn mực báo cáo quốc tế sẽ công bố thông tin báo cáo tài chính minh bạch hơn

IFRS là chuẩn mực kế toán được sử dụng rộng rãi trên toàn cầu, do đó việc áp dụng IFRS giúp tăng tính minh bạch thông tin báo cáo tài chính của doanh nghiệp và cung cấp cho các nhà đầu tư và bên liên quan một cái nhìn rõ ràng hơn về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp áp dụng IFRS sẽ sử dụng các cách tiếp cận và phương pháp đánh giá tài sản, khoản nợ, bản công bố,.. giống nhau, do đó, giúp các nhà đầu tư so sánh và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam.

Giả thuyết H11: Sở giao dịch chứng khoán có thể ảnh hưởng đến mức độ minh bạch thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết

HOSE và HNX có thể có những yêu cầu khác nhau đối với nội dung và thời hạn công bố báo cáo tài chính. HOSE yêu cầu công bố báo cáo tài chính giữa niên độ, trong khi HNX không yêu cầu. HOSE có một số quy định khác về việc công bố thông tin liên quan đến quản trị doanh nghiệp và thực thi quyền lợi cổ đông. Do đó, việc niêm yết trên HOSE hay HNX có thể ảnh hưởng đến cách thức lập báo cáo tài chính của các công ty niêm yết, đặc biệt là trong việc áp dụng các chuẩn mực kế toán và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

Phương trình hồi quy:

$$\text{TRANS}_i = \beta_0 + \beta_1 \cdot \text{SIZE}_i + \beta_2 \cdot \text{FLI} + \beta_3 \cdot \text{PROFIT}_i + \beta_4 \cdot \text{EASSET}_i + \beta_5 \cdot \text{LIQIDITY}_i + \beta_6 \cdot \text{TAXI} + \beta_8 \cdot \text{AGE}_i + \beta_8 \cdot \text{FOREIGN}_i + \beta_9 \cdot \text{AUDIT}_i + \beta_{10} \cdot \text{IFRS}_i + \beta_{11} \cdot \text{PLACE}_i + \epsilon_i$$

Trong đó

TRANS_i : Mức độ minh bạch thông tin báo cáo tài chính của công ty mẫu thứ i

β₀ : hằng số (constant term)

β_i : hệ số các biến giải thích

ε_i : Phần dư (Residual)

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thống kê mô tả

Đến cuối năm năm 2021, có 768 công ty niêm yết hoạt động trên 2 sàn HOSE và HNX của thị trường chứng khoán Việt Nam. Các công ty niêm yết trên sàn HOSE và HNX được phân theo 15 nhóm ngành bao gồm: dầu khí; hóa chất; xây dựng và vật liệu; hàng dịch vụ và công nghiệp; bán lẻ; thực phẩm và đồ uống; bất động sản, tài nguyên cơ bản; du lịch và giải trí; tiện ích; công nghệ thông tin, ô tô và phụ tùng; hàng cá nhân và tiêu dùng, viễn thông; y tế. Chỉ số minh bạch thông tin báo cáo tài chính trung bình của các công ty niêm yết trong mẫu ngẫu nhiên nghiên cứu là 86,43/100 điểm. công ty niêm yết có điểm số minh bạch thông tin báo cáo tài chính cao nhất toàn thị trường đạt 98 điểm, thấp nhất toàn thị trường đạt 77 điểm. Độ lệch chuẩn điểm số toàn thị trường rơi vào khoảng 2,85 điểm.

Bảng 1 tóm tắt kết quả thống kê mô tả các biến số trong mẫu nghiên cứu. Quy mô của các công ty niêm yết trên HOSE và HNX tương đối lớn, trung bình đạt 27,9 vì phải đảm bảo điều kiện niêm yết tại các sở giao dịch về quy mô vốn điều lệ. Đòn bẩy tài chính của các công ty niêm yết khá cao (trung bình 2,71). Điều này phù hợp với thực tế các doanh nghiệp tại Việt Nam, thường có tỉ lệ nợ vay, nợ phải trả cao khi chiếm dụng vốn từ bên ngoài để thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh. Lợi nhuận của các niêm yết được cho là chưa cao trong khoảng thời gian nghiên cứu là năm 2021 bởi lợi nhuận trung bình chỉ đạt 0,06. Hiệu suất sử dụng tài sản của các công ty niêm yết khá thấp, chỉ hơn 1 vòng/ năm. Khả năng thanh toán của các công ty niêm yết trung bình khá khiêm tốn, chỉ đạt 2,63 cho thấy các công ty niêm yết nói chung còn yếu kém trong việc thanh toán các khoản nợ. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty niêm yết tương đối lớn, trung bình đạt 23,07. Thời gian niêm yết của các công ty niêm yết trên 2 sở giao dịch trung bình 9,6 năm.

Có một số công ty niêm yết đã niêm yết từ năm thị chứng khoán bắt đầu hoạt động, nhưng cũng có doanh nghiệp mới niêm yết từ 2021, 2022 hay thậm chí là 2023. Mức độ sở hữu vốn của cổ đông nước ngoài trung bình đạt 7,9%. Hơn một nửa công ty niêm yết (trung bình 0,66) sử dụng các công ty kiểm toán thuộc Big4 để kiểm tra báo cáo tài chính. Số lượng doanh nghiệp áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế để lập báo cáo tài chính còn chưa nhiều (trung bình 0,027) và chủ yếu là các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành ngân hàng, tài chính hay bán lẻ, phân phối tự nguyện áp dụng trong giai đoạn này.

4.2. Kết quả hồi quy

Nghiên cứu phân tích bằng hồi quy bội với phương pháp tổng bình phương nhỏ nhất OLS cho kết quả như Bảng 2. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy hệ số R2 hiệu chỉnh là 0,6687, điều đó cho thấy các biến độc lập trong mô hình có thể giải thích được 66,87% sự biến thiên của biến phụ thuộc (Tính minh bạch thông tin

Bảng 1: Thống kê mô tả các biến nghiên cứu

Biến	Số quan sát	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
TRANS	450	77	98	86,43	2,85
LN(SIZE)	450	23,93982077	33,69104219	27,9009798	1,71817707
FL	450	1,006829378	120,290872	2,7084430	5,77654834
PROFIT	450	-0,474	0,449104336	0,0569034	0,08002333
EASSET	450	0,001869754	10,9105115	1,0778030	1,25910494
LIQUIDITY	450	0,13093506	45,39132027	2,6292384	4,28472036
TAX	450	15,07499886	29,92409664	23,0662700	2,29794328
AGE	450	0	21	9,5711111	4,75367035
FOREIGN	450	0	0,9495	0,0789215	0,14271960
AUDIT	450	0	1	0,6622222	0,46784769
IFRS	450	0	1	0,0266667	0,16128659
PLACE	450	0	1	0,5488889	0,49815795

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

báo cáo tài chính). Hệ số phóng đại phương sai VIF nhỏ hơn 2 cho thấy các biến độc lập không có quan hệ chặt chẽ với nhau nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra.

Kết quả ước lượng mô hình hồi quy cho thấy, biến phụ thuộc TRANS chịu ảnh hưởng bởi các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu, bao gồm SIZE, EASSET, AUDIT, FOREIGN, FL, PROFIT, IFRS và PLACE với mức ý nghĩa 10%. Trong đó chỉ duy nhất biến EASSET cho tương quan âm với biến phụ thuộc. Các biến còn lại là TAX, AGE và LIQUIDITY chưa cho thấy ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 10%.

Quy mô công ty niêm yết tác động thuận chiều (0,323) đến tính minh bạch thông tin. Doanh nghiệp có quy mô lớn thường có lợi thế về quy mô sản xuất và phải đối mặt với áp lực cạnh tranh cao, do đó hệ thống tài chính kế toán đầy đủ tuân thủ chuẩn mực làm tăng tính minh bạch thông tin và là điều kiện tiên quyết để thu hút khách hàng, đối tác và nhà đầu tư. Ngoài ra, các doanh nghiệp có quy mô lớn cũng là đối tượng được chú ý của các cơ quan hành chính nhà nước, do đó minh bạch thông tin sẽ giảm thiểu những chi phí và rủi ro không mong muốn cho các doanh nghiệp này. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Chavent & cộng sự (2006) hay nghiên cứu của Robert M. Bushman & Abbie J. Smith (2003).

Đòn bẩy tài chính tác động thuận chiều đến tính minh bạch thông tin. Kết quả này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Jeffrey. J. Archambault & Marie E. Archambault (2003) cho rằng đòn bẩy tài chính là một trong số 5 yếu tố tác động trực tiếp đến mức độ công bố thông tin tài chính của doanh nghiệp. Điều này là hoàn toàn phù hợp đối với thị trường Việt Nam bởi phần lớn các doanh nghiệp cổ phần sử dụng nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh thì cần có báo cáo tài chính đảm bảo tính pháp lý.

Lợi nhuận có tương quan dương khá cao với tính minh bạch thông tin tài chính của các công ty niêm yết (3,228). Khi doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, nhà quản trị sẽ thường ưu tiên công bố thông tin một cách rõ ràng và minh bạch hơn để đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư và tăng giá trị cho doanh nghiệp trên thị

Bảng 2: Kết quả ước lượng mô hình hồi quy

Mô hình	Hệ số hồi quy				Kiểm định t	Hệ số Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa				Độ chấp nhận	Hệ số phóng đại phương sai
	B	Sai số chuẩn	Beta					
Hằng số	78,440	2,494			31,455	0,000		
SIZE	0,323	0,104	0,194		3,099	0,002	0,523	1,966
FL	0,037	0,021	0,076		1,812	0,071	0,955	1,047
PROFIT	3,228	1,604	0,091		2,012	0,045	0,822	1,217
EASSET	-0,252	0,100	-0,111		-2,532	0,012	0,859	1,164
LIQUIDITY	0,017	0,029	0,026		0,601	0,548	0,908	1,102
TAX	-0,083	0,066	-0,067		-1,254	0,211	0,582	1,719
AGE	-0,004	0,025	-0,007		-0,157	0,875	0,967	1,034
FOREIGN	2,526	0,907	0,126		2,785	0,006	0,808	1,238
AUDIT	0,809	0,293	0,133		2,758	0,006	0,719	1,391
IFRS	3,506	0,779	0,198		4,499	0,000	0,857	1,166
PLACE	0,587	0,276	0,103		2,127	0,034	0,716	1,397

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

trường. Mức sinh lợi cao cũng có tác động tích cực đến giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp, tạo sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và tăng khả năng thu hút đầu tư vào doanh nghiệp. Những kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước đó của Singhvi & Desai (1971) và Barako (2007) hay nghiên cứu trong nước của tác giả Lê Tường Vinh (2008).

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài ảnh hưởng thuận chiều đến độ minh bạch thông tin tài chính của công ty niêm yết. Kết quả này phù hợp với lý thuyết thông tin hữu ích đã chứng minh rằng việc tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể dẫn đến quản trị công ty hiệu quả hơn, tăng khả năng sinh lợi của công ty và tăng tính minh bạch của thông tin.

Tồn tại sự tương quan dương giữa yếu tố công ty kiểm toán và tính minh bạch thông tin tài chính của các công ty niêm yết. Nghiên cứu cho thấy rằng quy mô và uy tín của công ty kiểm toán có ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của doanh nghiệp. Do đó, việc cải thiện chất lượng các công ty kiểm toán là một giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng các báo cáo tài chính. Theo DeAngelo (1981), các công ty kiểm toán lớn quan tâm đến việc bảo vệ danh tiếng của mình nên họ đầu tư nhiều hơn vào công tác kiểm toán để nâng cao chất lượng và tính minh bạch của các thông tin báo cáo tài chính được công bố bởi các doanh nghiệp.

Việc công ty niêm yết có áp dụng chuẩn kế toán quốc tế IFRS để lập báo cáo tài chính có tác động nhiều (3,506) đến mức độ minh bạch thông tin tài chính. Deloitte (2020) nghiên cứu về mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS của doanh nghiệp Việt Nam, đã chỉ ra rằng rằng “Đối với thị trường Việt Nam nói chung, việc áp dụng IFRS sẽ giúp gia tăng mức độ tin cậy và minh bạch trong mắt các nhà đầu tư. Còn ở góc độ các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng, việc áp dụng và trình bày báo cáo tài chính theo chính sách kế toán quốc tế sẽ tạo ra nhiều cơ hội phát triển, tăng mức độ uy tín và vị thế trên thị trường quốc tế, tạo ra sức hấp dẫn nhất định khi cạnh tranh với doanh nghiệp ở các nền kinh tế khác”.

Có sự khác biệt về tính minh bạch thông tin giữa 2 nhóm công ty niêm yết trên HOSE và HNX. công ty niêm yết trên HOSE có điểm minh bạch thông tin tài chính cao hơn 0,587 so với công ty niêm yết trên HNX.

Hiệu suất sử dụng tài sản có tác động ngược chiều với tính minh bạch thông tin tài chính của doanh nghiệp ở mức ý nghĩa 1%. Tuy kết quả kiểm định và hồi quy này không tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác

giả Cheung & cộng sự (2005) hay các nghiên cứu trước cho ra quan hệ thuận chiều. Khi vòng quay tài sản giảm, doanh nghiệp có thể muốn cung cấp thông tin tài chính minh bạch hơn để giải thích tình trạng kinh doanh của họ và giúp nhà đầu tư và chủ sở hữu có cái nhìn đầy đủ và chính xác hơn về hoạt động của doanh nghiệp.

5. Kết luận và khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin báo cáo tài chính, nghiên cứu rút ra một số kết luận và khuyến nghị:

Thứ nhất, quy mô công ty có ảnh hưởng tích cực và mạnh nhất đến tính minh bạch thông tin báo cáo tài chính. Để thấy các công ty có quy mô lớn thường có lợi thế về quy mô sản xuất và phải đối mặt với áp lực cạnh tranh cao, do đó minh bạch thông tin là điều kiện tiên quyết để thu hút khách hàng, đối tác và nhà đầu tư. Để tăng quy mô công ty niêm yết cần tăng giá trị thị trường thông qua phát hành thêm cổ phiếu nếu công ty đang hoạt động hiệu quả.

Thứ hai, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể dẫn đến quản trị công ty hiệu quả hơn, tăng khả năng sinh lợi của công ty và nhờ đó tăng tính minh bạch thông tin của các công ty niêm yết. Để thu hút nhà đầu tư nước ngoài, các công ty cần tăng chất lượng sản phẩm/ dịch vụ, quản lý tài chính và tài sản, giảm chi phí sản xuất, quản lý nhân sự hiệu quả, tăng cường năng lực cạnh tranh bằng việc đầu tư vào các dự án quan trọng, đặc biệt là những dự án có tính quốc gia cao, như dự án hạ tầng, điện lực, dầu khí, vận tải, viễn thông, ...

Thứ ba, cải thiện chất lượng các công ty kiểm toán cũng là một giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng các báo cáo tài chính. Công ty cần mời các công ty kiểm toán lớn như Big 4 hoặc các công ty tương đương khác tham gia vào quá trình kiểm tra để đảm bảo tính độc lập và tăng cường độ tin cậy của thông tin. Ngoài ra, công ty cũng cần đưa ra các biện pháp giải quyết để khắc phục các sai sót và rủi ro được phát hiện trong quá trình kiểm toán.

Thứ tư, việc hiệu suất sử dụng tài sản giảm do sử dụng hợp lý hơn để đáp ứng khả năng sản xuất, kinh doanh cũng có thể khiến công ty cung cấp thông tin tài chính minh bạch hơn để giải thích tình trạng kinh doanh của họ, giúp nhà đầu tư và chủ sở hữu có cái nhìn đầy đủ chính xác hơn. Các công ty niêm yết cần tối ưu hoá quản lý tài sản bằng các giải pháp như quản lý tài sản rõ ràng, tăng cường đào tạo nhân viên, tối ưu hóa quy trình sản xuất, điều chỉnh cơ cấu tài sản và áp dụng công nghệ mới. Các giải pháp này giúp tăng tuổi thọ và giảm tình trạng hỏng hóc đột ngột, tăng năng suất, giảm chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận.

Thứ năm, mức sinh lợi cao cũng có tác động tích cực đến giá trị cổ phiếu của các công ty niêm yết, tạo sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và tăng khả năng thu hút đầu tư. Các công ty muốn tăng lợi nhuận nên tập trung vào hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn bằng các chiến lược tài chính và kinh doanh đúng đắn, bao gồm tìm cách sử dụng vốn xoay vòng từ hoạt động sản xuất kinh doanh thay vì sử dụng vốn tự có để đầu tư.

Thứ sáu, đòn bẩy tài chính cũng nằm trong các yếu tố tác động trực tiếp đến mức độ công bố thông tin của công ty. Để nâng cao hiệu quả sử dụng đòn bẩy tài chính, công ty cần tối ưu hóa cấu trúc vốn, đầu tư vào các hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận cao, xây dựng mối quan hệ tốt với ngân hàng bằng cách thường xuyên thanh toán nợ đúng hạn và cung cấp thông tin tài chính chính xác giúp tăng độ tin cậy của ngân hàng đối với công ty và tăng khả năng vay được vốn.

Thứ bảy, áp dụng IFRS sẽ giúp gia tăng mức độ tin cậy và minh bạch của công ty trong mắt các nhà đầu tư. Bộ Tài chính cần phối hợp với các đơn vị tổ chức tập huấn và hướng dẫn, giảm thiểu sự khác biệt giữa các văn bản pháp luật và nâng cao trình độ của các đối tượng liên quan, khuyến khích hỗ trợ các công ty và tổ chức nghiên cứu, đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng tăng cường đào tạo kế toán - kiểm toán. Các công ty niêm yết cần nhận thức đúng về lợi ích của việc áp dụng chuẩn mực IFRS, và cần xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai đào tạo phù hợp để đạt được lợi ích dài hạn.

Thứ tám, các cơ quan nhà nước như Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính cần hoàn thiện các quy định về công bố thông tin tài chính và các văn bản hướng dẫn cho các công ty thực hiện công tác này

một cách hiệu quả, cần có cơ chế giám sát chặt chẽ và phối hợp tốt với các tổ chức có liên quan để đảm bảo tính minh bạch. Việc kiểm tra định kỳ và đột xuất cũng như áp dụng các biện pháp xử phạt và chế tài cụ thể cho từng trường hợp vi phạm là cần thiết.

Nghiên cứu này đã đề xuất một số hàm ý giải pháp đối với các cơ quan quản lý và doanh nghiệp nhằm tăng cường minh bạch thông tin báo cáo tài chính. Tuy nhiên mẫu nghiên cứu có phạm vi chưa đủ rộng, chưa bao quát được toàn bộ các công ty trên HNX và HOSE.

Tài liệu tham khảo

- Ahmed, K. & Courtis, J. K. (1999), 'Association between Corporate Characteristics and Disclosure Levels in Annual Reports: A Meta Analysis', *British Accounting Review*, 31, 35-61.
- Almazan A, Suarez J. & Titman S. (2003), 'Stakeholder, transparency and capital structure [Working Paper No. w10101]', *National Bureau of Economic Research*, Massachusetts, MA
- Andrew Ellul, Tullio Jappelli, Marco Pagano, Fausto Panunzi (2015), 'Transparency, Tax Pressure, and Access to Finance', *Review of Finance*, 20(1), 37-76.
- Archambault, J & Archambault, M. (2003), 'A Multinational Test of Determinants of Corporate Disclosure', *International Journal of Accounting*, 38(2), 173-194
- Barako, D.G. (2007), 'Determinants of voluntary disclosures in Kenyan companies' annual reports', *African Journal of Business Management*, 1(5), 113-128.
- Bushman, R., Chen, Q., Engel, E., & Smith, A. (2004), 'Financial accounting information, organizational complexity and corporate governance systems', *Journal of Accounting and Economics*, 37(2), 167-201.
- Chavent, M., Dinh, Y., Fu, L., Stolowy, H. & Wang, H. (2006), 'Disclosure and Determinants Studies: An Extension Using the Divisive Clustering Method (DIV)', *European Accounting Review*, 15(2), 181-218.
- Đậu Anh Tuấn (2006), *Minh bạch và công khai*, truy cập lần cuối vào ngày 01 tháng 07 năm 2023, từ <https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/minh_bach_va_cong_khai-f.html>
- DeAngelo (1981), 'Auditor size and audit quality', *Journal of Accounting and Economics*, 3(3), 183-199.
- Delloitte (2020), *Báo cáo kết quả khảo sát: Mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS của doanh nghiệp tại Việt Nam*, tháng 12, trang 7.
- Fargher, N., Taylor, M. H., & Simon, D. T. (2001), 'The demand for auditor reputation across international markets for audit services', *The International Journal of Accounting*, 36(4), 407-421.
- Galani, D., Alexandridis, A. & Stavropoulos, A. (2011), 'The association between the firm characteristics and corporate mandatory disclosure the case of Greece', *World Academy of Science, Engineering and Technology*, 77, 101- 107.
- Hồ Thủy Tiên & Hoàng Mạnh Khánh (2020), 'Minh bạch thông tin và các yếu tố ảnh hưởng - Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam', *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing*, 56, 38-56.
- Jeffrey J. & Marie E. Archambault (2003), 'A multinational test of determinants of corporate disclosure', *The International Journal of Accounting*, 38, 173 – 194.
- Jiang, Li. & Kim, J.B. (2004), 'Foreign equity ownership and information asymmetry: evidence from Japan', *Journal of International Financial Management & Accounting*, 15(3), 185-211.
- Khanna, T., Palepu, K., & Srinivasan, S. (2004), 'Disclosure practices of foreign companies interacting with U.S. markets', *Journal of Accounting Research*, 42(2), 475-508.
- Lang M., Lundholm R. (1993), 'Cross-Sectional Determinants of Analyst Rankings of Corporate Disclosures', *Journal of Accounting Research*, 31(2), 246-271.
- Lê Thị Mỹ Hạnh (2015), 'Minh bạch thông tin tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam', luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê Trường Vinh (2008), 'Minh bạch thông tin các doanh nghiệp niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh', luận văn Thạc sĩ, Trường Kinh tế Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Meek, G.C., Roberts, B. & Gray, J. (1995), 'Factors influencing voluntary annual report disclosures by U.S., U.K. and Continental European multinational corporations', *Journal of International Business Studies*, 26 (3), 555-572.

-
- Mensah, Michael O., Hong V. Nguyen, & Satya N. Prattipati (2006), 'Transparency in Financial Statements: A Conceptual Framework from a User Perspective', *Journal of American Academy of Business*, 9(1), 47-51.
- Nguyễn Nhất Nam (2015), 'Các yếu tố ảnh hưởng đến tính minh bạch thông tin báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên HOSE', luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Công nghệ TP HCM.
- Nguyễn Phúc Sinh (2008), 'Nâng cao tính hữu ích trong báo cáo tài chính doanh nghiệp Việt Nam hiện nay', luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Minh Tâm (2009), 'Kế toán kiểm toán với sự minh bạch thông tin tài chính trên thị trường', *Tạp chí kiểm toán*, 4, 14-18.
- Nguyễn Thúy Anh (2012), 'Minh bạch hóa thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế Quốc tế', luận án tiến sĩ, trường Đại học Ngoại thương.
- OECD (2004), *Jurisdictions committed to transparency and effective exchange of information*, truy cập lần cuối 14/04/2023, từ <<http://www.oecd.org>>.
- Robert M. Bushman & Abbie J. Smith (2001), 'Financial accounting information and corporate governance', *Journal of Accounting and Economics*, 32(1-3), 237-333.
- Singhvi, S. (1968), 'Characteristics and Implications of Inadequate Disclosure: A Case Study of India', *The International Journal of Accounting*, 3(2), 29-43.
- Singhvi, S.S. & Desai, H.B. (1971), 'An Empirical Analysis of the Quality of Corporate Financial Disclosure', *Accounting Review*, 46, 129-138.
- Stephen Yan-Leung Cheung, J. Thomas Connelly, Piman Limpaphayom, Lynda Zhou (2005), 'Determinants of Corporate Disclosure and Transparency: Evidence from Hong Kong and Thailand', *International Corporate Responsibility Series*, 3, 313 - 342.
- Trần Dạ Minh Hạnh (2014), 'Nâng cao tính minh bạch của thông tin báo cáo tài chính đối với các trường ĐH và cao đẳng công lập tại Việt Nam', luận văn Thạc sĩ, Đại học Kinh tế TP HCM
- Trần Trọng Nguyên, Đàm Thanh Tú, Bùi Thị Hà Linh (2019), 'Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ minh bạch thông tin tài chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam - Tổng quan nghiên cứu và đề xuất mô hình', *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 202, 45-55.
- Võ Xuân Vinh & Trần Thị Phương Mai (2015), 'Lợi nhuận và rủi ro từ đa dạng hóa thu nhập của ngân hàng thương mại Việt Nam', *Tạp chí Phát triển kinh tế*, 26(8), 54-70.
- Wallace, R S., & Naser, K. (1994), 'Firm Specific Determinants of Comprehensiveness of Mandatory Disclosure in the Corporate Annual Reports of Firms Listed on the Stock Exchange of Hong Kong', *Journal of Accounting & Public Policy*, 14, 31-68.
- World Bank (2015), *Transparency in Public Finance*, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 01 năm 2023, từ <<https://www.worldbank.org/en/topic/governance/brief/transparency-in-public-finance>>.
- Zarb, Bert J. (2006), 'The Quest for Transparency in Financial Reporting', *The CPA Journal*, 76(9), 30-33.
- Zarzeski, M.T. (1996), 'Spontaneous harmonization effects of culture and market forces on accounting disclosure practices', *Accounting Horizons*, 10, 18-37.